

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 566/2026/DS-PT
Ngày: 30 – 6 – 2026
V/v tranh chấp về dân sự –
Quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương
Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Liêm, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/6/2026 và ngày 30/6/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2026/TLPT- DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp dân sự - Quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 955/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Q: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 04/6/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Chí Th (Trần Văn N), sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Cao Thị Ngọc T, sinh năm 1961.

3. Chị Trần Thị Kim Ng, sinh năm 1987.

4. Chị Trần Thị Kim Th, sinh năm 1990.

5. Chị Trần Thị Kim Ng, sinh năm 1988.

6. Chị Trần Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Trần Thị Yến O, sinh năm 1972.
8. Bà Trần Thị Yến Ph, sinh năm 1982.
9. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1974.
10. Anh Trần Tăng H, sinh năm 2002.
- Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.
11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964.
12. Anh Nguyễn Hoài H, sinh năm 1981.
13. Chị Nguyễn Thị Kim G, sinh năm 1984.
14. Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1986.
15. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

16. Bà Phan Thị N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

17. Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tr – Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Đồng Tháp.

18. Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

19. Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T, anh C, chị Nh có mặt tại phiên tòa. Ủy ban nhân dân xã M có đơn xin vắng mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt.

- Kháng cáo: Ông Nguyễn Thành Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28/4/2025 của ông Trần Văn Th, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T trình bày:***

Ông Trần Văn T và ông Trần Chí Th là chủ sử dụng các thửa đất sau:

+ Thửa số 607, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.105,2m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn T.

+ Thửa số 608, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.319,6m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu của ông Trần Chí Th.

Để dẫn nước từ kênh C vào đất canh tác của ông T và ông Th bắt buộc phải qua thửa đất 606, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.500m² do ông Nguyễn Thành Q sở hữu. Vào năm 1985, ông T và ông Th có thỏa thuận mua một phần đất của ông Q để làm đường dẫn nước với diện tích khoảng 110m² (chiều ngang 1 tầm = 2,6m, chiều dài 42m), giá là 30 gia lúa theo thỏa thuận thời điểm đó. Sau giao dịch, ông T, ông Th đã sử dụng ổn định tuyến đường nước này liên tục từ đó đến nay. Đến năm 2000, đoàn đo đạc của nhà nước tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính mới, diện tích đã mua được xác định là đường nước sử dụng chung nhưng chưa cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do diện tích nhỏ. Tuy nhiên, trên bản đồ địa chính hiện nay vẫn thể hiện đường nước này là đường dẫn nước từ kênh công cộng vào đất ông T, ông Th và diện tích đất này đã được trừ ra khỏi diện tích đất cấp giấy chứng nhận của ông Nguyễn Thành Q. Ông T khẳng định đây không phải là đường nước công cộng mà là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông và ông Th. Đường nước diện tích 109,2m², có tứ cận:

Phía bắc giáp đất ông Trần Văn T.

Phía nam giáp kênh C.

Phía tây giáp đất ông Nguyễn Thành Q.

Phía đông giáp đất ông Nguyễn Văn D.

Tháng 03/2025, ông Nguyễn Thành Q đã lấp đường nước trên để lên líp vườn trồng cây ăn quả. Ông Q cho rằng đây là đất của ông Q, ông Q chỉ cho ông T thuê. Đồng thời, năm 2024 ông Q đã quy đổi từ 30 gia lúa theo giá thị trường cho ông Trần Chí Th (người kế thừa của ông Trần Văn L đã mất).

Nay ông Trần Văn T yêu cầu ông Nguyễn Thành Q trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 117,9m² tại ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 20/8/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai khu vực VIII.

Ngày 22/9/2025, ông Trần Văn T thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 117,9m² tại ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 20/8/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai khu vực VIII là đường nước công cộng. Buộc ông Nguyễn Thành Q di dời 11 trụ đá đã cắm trên phần đất trên.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thành Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị N trình bày:**

Ông Nguyễn Thành Q đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 606, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.500m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 365573 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/6/2009. Gắn liền trên thửa đất này ông Q có trồng cây ăn trái. Nguồn gốc thửa đất là của cha mẹ ông Q cho ông Q vào năm 1984. Liên kế thửa 606 của ông Q về hướng nam giáp kênh và đường đất công cộng; về hướng bắc giáp thửa 605 của bà Nguyễn Thị L, thửa 607 của ông Trần Văn T và thửa 608 của ông Trần Văn N (ông Trần Chí Th).

Vào năm 1987, cụ Trần Văn L (cha của ông Th) còn sống có xin gia đình ông Q cho cụ L đào một lối dẫn nước từ kênh công cộng vào thửa đất số 608. Ông Q đồng ý cho cụ L đào mương có chiều ngang khoảng 0,5 mét, chiều dài khoảng 35 mét để dẫn nước. Đến năm 1991, cụ L trực tiếp thỏa thuận với ông Q là cho ông mở rộng thêm khoảng 02 mét, cụ L sẽ giao cho ông 30 gia lúa, ông Q đồng ý nhưng chỉ cho ông L sử dụng đến hết đời cụ L và không được sử dụng vĩnh viễn.

Năm 2009, ông Q xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 606. Trong quá trình đo đạc, ông Q không rõ là phần diện tích lối dẫn nước trên có nằm trong giấy đất của ông Q hay không. Ông T khởi kiện cho rằng

gia đình ông Q đã bán quyền sử dụng đất là lối dẫn nước nói trên cho ông T nên hiện tại phần đất đó không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q. Tuy nhiên, sau khi cụ L chết thì ông Q có thông báo cho ông T (N) nội dung thỏa thuận giữa gia đình ông Q với cụ L, ông Th cũng thống nhất và thừa nhận. Ông Q có trả lại cho ông Th và ông Th đã nhận số tiền 4.300.000 đồng tương đương 30 gia lúa mà trước đây đã nhận của cụ L vì hiện nay ông Th đang thờ cúng cụ L xem như nội dung thỏa thuận giữa gia đình cụ L với ông Q đã chấm dứt, còn muốn thỏa thuận khác thì ông Th phải thỏa thuận lại.

Ông T, bà L, ông Th có hỏi xin ông Q và ông Q đồng ý cho đặt bọng dẫn nước trên vị trí dẫn nước trước đây. Tại buổi hòa giải tranh chấp ngày 16/3/2025 tại tổ hòa giải ấp P, ông Th có thừa nhận khi cụ L còn sống thì ông Th có nghe cụ L nói gia đình ông Q có cho làm lối đi dẫn nước vào nhà với giá 30 gia lúa cho đến hết đời cụ L.

Ông Q khẳng định không có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với cụ L, ông Th. Hiện nay quá trình canh tác của những hộ bên trong vẫn bình thường không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất.

Nay ông Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 09/6/2025, ông Trần Chí Th trình bày:**

Cha của ông Th là cụ Trần Văn L. Vào năm 1990, cụ L cùng với ông Trần Văn T có mua của vợ chồng ông Nguyễn Thành Q phần đất ngang 01 tằm (khoảng 2,6 mét), dài 40 mét, giá đất mua là 30 gia lúa. Tiền mua đất là của ông Trần Văn T 15 gia, cụ L 15 gia. Riêng bà Nguyễn Thị L có hiến 01 phần đất của bà L là đường nước chung. Thời điểm này có 03 hộ cùng sử dụng: Hộ ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T. Trả lúa và giao nhận đất năm 1990. Đầu năm 2024, vợ chồng ông Q có trả lại cho ông số tiền 4.300.000 đồng tương đương 30 gia lúa. Ông Th có nhận nhưng ông Trần Văn T không đồng ý, buộc ông phải trả lại cho vợ chồng ông Q số tiền trên.

Khoảng 01 tháng sau, vợ ông Q đem số tiền đó bảo là tiền hương khói, công sức giúp đỡ cho cha của ông Th nên ông Th có nhận lại số tiền trên. Tháng 10/2024 các bên phát sinh tranh chấp. Ông Q đòi trả lại đường nước, ông T không đồng ý và kêu trả lại hiện trạng lúc ban đầu.

* Tại Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 - Đồng Tháp quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Công nhận phần diện tích đất 117,9m² tại ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp là đường công cộng. Đất có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp phần đất bà Nguyễn Thị L.
- Hướng Nam giáp đường bê tông.
- Hướng Tây giáp phần đất ông Nguyễn Thành Q.
- Hướng Đông giáp thửa 603.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

2. Buộc ông Nguyễn Thành Q phải di dời 11 trụ đá có kết cấu 10 x 10 x 200cm ra khỏi phần diện tích 117,9m² tại ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn T tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thành Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Kháng cáo: Ngày 14/10/2025, ông Nguyễn Thành Q là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông và sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Hủy bản án sơ thẩm do diện tích đất tranh chấp không thuộc đối tượng tranh chấp và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm đ Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành Q, là bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành Q:

Ông Q kháng cáo và trình bày:

Diện tích đất có đường dẫn nước hiện nay đang có tranh chấp giữa ông và ông T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông. Trước đây, ông Q chỉ cho cụ L sử dụng đường nước này đến hết đời nên sau khi cụ L chết, ông Q đã trả lại giá trị của 30 gia lúa trước đó đã nhận của cụ L cho ông T. Ông T có nhận lại số tiền 4.300.000 đồng tương đương giá trị 30 gia lúa. Hiện nay, ông T vẫn còn quản lý số tiền 4.300.000 đồng nên ông Q khẳng định không có thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất tranh chấp với ông T.

Xét thấy: Nguồn gốc các thửa đất tranh chấp thể hiện như sau:

Diện tích đất đang có tranh chấp được đo đạc thực tế là 117,9m² được hai bên đương sự thống nhất thừa nhận có nguồn gốc là của ông Nguyễn Thành Q. Nhưng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cả ông T và ông Q đều không xác định được phần đường nước có tranh chấp với diện tích đo đạc thực tế là 117,9m² được cấp cho ai.

Trong quá trình khởi kiện, ông T cho rằng diện tích đất có đường nước ông T đã được cấp quyền sử dụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T xác định phần diện tích đất đường nước là đất công cộng.

Ông Q trình bày: Năm 2009, ông Q xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 606, với quá trình đo đạc lại ông Q không rõ phần diện tích đường dẫn nước có nằm trong giấy đất của ông hay không.

Riêng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích đo đạc thực tế là 117,9m² không thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Thành Q nên công nhận diện tích đất có tranh chấp là đường nước công cộng.

[2.2] Nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm về nội dung và tổ tụng như sau:

- Về tổ tụng:

+ Đường dẫn nước tranh chấp được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết và xác định là đường nước công cộng là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 và Điều 236 của Luật đất đai năm 2024.

+ Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản gửi cho Ủy ban nhân dân xã M để xác định đường nước tranh chấp có phải là đường nước công cộng hay không mà căn cứ vào nội dung thể hiện tại Đơn xin vắng mặt của ông Nguyễn Văn Tr – là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M “*diện tích đất đang tranh chấp 117,9m² chưa được cấp giấy cho ai*”. Đây không phải là văn bản hành chính của Ủy ban nhân dân xã M nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể áp dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập được tài liệu, chứng cứ: Công văn số 768/UBND-KT ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp V/v cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án. Công văn có nội dung: “*Qua kiểm tra, xác minh hồ sơ địa chính hiện đang lưu trữ tại UBND xã và đối chiếu với bản đồ địa chính (bản đồ 301), phần diện tích đất 117,9m² nêu trên được thể hiện là đất thủy lợi (đường nước)...*”.

Đây là tình tiết mới được thu thập tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Theo điểm e khoản 3 Điều 9 của Luật đất đai năm 2024 quy định: “*...đất sử dụng vào mục đích công cộng, gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước...*”.

Như vậy, diện tích đất tranh chấp 117,9m² là đất thủy lợi, sử dụng vào mục đích công cộng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước quản lý được quy định tại Điều 53 của Hiến pháp và Điều 4 của Luật đất đai năm 2024. Ông T và ông Q chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao và công nhận diện tích đất nêu trên. Vì vậy, không thể phát sinh tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Trường hợp xảy ra hành vi lấn chiếm, cản trở đi lại, sử dụng trên đất công cộng thuộc hành vi vi phạm hành chính và do cơ quan hành chính là Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, giải quyết. Do đó, ông T không có quyền khởi kiện ông Q và yêu cầu ông Q trả lại cho ông diện tích đất 117,9m² theo quy định tại Điều 186 và 187 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do Ủy ban nhân dân xã M xác định diện tích đất tranh chấp 117,9m² là đất thuộc công trình thủy lợi nên vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 236 của Luật đất đai năm 2024.

- Về nội dung: Ông T khởi kiện ông Q và xác định đường nước tranh chấp là công cộng.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông Nguyễn Thành Q phải di dời 11 trụ đá có kết cấu 10 x 10 x 200cm ra khỏi phần diện tích 117,9m² tại ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp là chưa đúng.

[3] Những nội dung và thủ tục tố tụng như đã phân tích nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần hủy bản án sơ thẩm do diện tích đất nêu trên là đất công cộng, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Diện tích đất tranh chấp 117,9m² không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Thành Q nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành Q theo nhận định nêu trên.

[5] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị.

Hủy bản án sơ thẩm.

[6] Chi phí tố tụng: Ông T tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Do Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Thành Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308; Điều 310, Điều 186, Điều 187 và điểm d khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 4; điểm e khoản 3 Điều 9 và Điều 236 của Luật đất đai năm 2024.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành Q.
2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp.

Trả lại đơn khởi kiện cho ông Trần Văn T.

3. Chi phí tố tụng: Ông T tự nguyện chịu.
4. Về án phí: Ông Nguyễn Thành Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng TT,KT &THA TAT
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND khu vực 0;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Phạm Thị Liên Hiệp